

Bản án số: **10/2026/KDTM - PT**  
Ngày: 27 – 02 – 2026  
V/v “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ  
thanh toán*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:*

Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 56/2025/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 45/2025/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P;** mã số doanh nghiệp: 0301417xxx; địa chỉ trụ sở: Lô x đường y, Khu Công nghiệp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A – chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Ông Lê Quang T – Chức vụ: Giám đốc VPKV Đ; địa chỉ: Thôn T 1, xã T, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo uỷ quyền (*Theo Giấy uỷ quyền số*

10xx.2025/UQ/PXX-HCNS ngày 10/6/2025 của ông Trần Tuấn A là người đại diện theo pháp luật – Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P). Có mặt.

- Bà Đào Thị H – Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: 2/x đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền số 24xx.2026/UQ/PXX-HCNS ngày 24/02/2026 của ông Trần Tuấn A là người đại diện theo pháp luật – Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P). Có mặt.

**2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B;** mã số doanh nghiệp: 0107928xxx; địa chỉ trụ sở: Số 1xx ngõ 5xx đường V, phường K, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn K – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Thanh B – Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B (Theo Giấy giới thiệu số 1xx6/GT của ông Phạm Văn K – Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B). Có mặt.

**3. Do có kháng cáo của bị đơn:** Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trình bày:

Ngày 01/8/2021, Công ty TNHH T – Bên B (nay đổi tên là Công ty TNHH P) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B – Bên A ký Hợp đồng kinh tế số CC1xx.2x/HĐKT, về việc bên B thiết kế, sản xuất, lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành chạy thử và đưa vào sử dụng 02 thang máy hiệu P cho bên A, loại thang tải khách có phòng máy, thuộc dự án: Trụ sở Cơ quan T của Tạp chí C tại Đà Nẵng. Thang máy được lắp đặt tại: Đường X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Với tổng giá trị hợp đồng bao gồm thuế GTGT là 2.310.810.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm mười triệu, tám trăm mười ngàn đồng).

Phương thức thanh toán trên Hợp đồng chính được chia làm 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: 40% tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm VAT, tương đương 924.324.000 đồng (Chín trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng), thanh toán ngay sau khi ký hợp đồng.

Lần 2: 40% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương 924.324.000 đồng (Chín trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng), thanh toán ngay sau khi bên

B chuyển thiết bị đến công trình.

Lần 3: 10% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương 231.081.000 đồng (*Hai trăm ba mươi một triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng*).

Lần 4: 10% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương 231.081.000 đồng (*Hai trăm ba mươi một triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng*), thanh toán ngay sau khi vệ sinh, kiểm định thang, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu bàn giao.

Ngày 19/10/2021, giữa 02 Công ty ký tiếp phụ lục Hợp đồng kinh tế số 02 với nội dung: giảm giá trị Hợp đồng là 70.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị Hợp đồng trọn gói bao gồm thuế GTGT là 2.240.810.000 đồng.

Vào ngày 26/05/2023, Công ty P đã hoàn tất lắp đặt, hoàn tất kiểm định, hướng dẫn sử dụng và tiến hành nghiệm thu bàn giao thang cho Công ty B. Tuy nhiên, Bên A vẫn chưa thanh toán 10% theo đúng điều khoản của Hợp đồng. Tính đến hiện tại, Công ty B chỉ mới thực hiện thanh toán cho Công ty P 90% là: 2.016.729.000 đồng và còn nợ Công ty P 10% (đợt 4) là 224.081.000 đồng.

Công ty P đã tạo điều kiện cho Công ty B có nhiều thời gian để thanh toán công nợ nhưng họ không thể hiện thiện chí trong việc giải quyết công nợ trên. Nay Công ty TNHH P yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau đây:

- Buộc Công ty B phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết là 224.081.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm phải thanh toán cho đến thời điểm khởi kiện tháng 04/2025 là 26.332.587 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh cho đến khi Công ty B thanh toán toàn bộ số tiền chậm thanh toán theo quy định pháp luật.

- Cụ thể tiền lãi chậm thanh toán:

- + Căn cứ vào Điều 306 Bộ Luật Thương mại 2005 và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

- + Thời gian chậm thanh toán từ ngày 26/5/2023 đến ngày 31/3/2025: 665 ngày.

- + Lãi suất Ngân hàng Agribank dành cho doanh nghiệp: 4,5%.

- + Lãi suất Ngân hàng Vietcombank dành cho doanh nghiệp: 4,2%.

- + Lãi suất Ngân hàng Vietinbank dành cho doanh nghiệp: 4,2%.

- + Lãi suất trung bình của 03 ngân hàng:  $(4,5\% + 4,2\% + 4,2\%) : 3 = 4,3\% / \text{năm}$ .

- + Lãi suất quá hạn trung bình của 03 NHTM tại thời điểm tính lãi T04/2025:  $150\% \times 4,3\% = 6,45\% / \text{năm}$ .

- + Tiền lãi chậm thanh toán:  $224.081.000 \text{ đồng} \times 6,45\% / \text{năm} \times 665 / 365 \text{ ngày} = 26.332.587 \text{ đồng}$ .

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn để cung cấp bản khai và hoà giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và*

*thương mại tổng hợp B vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không có bản khai và hoà giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.*

*\* Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 45/2025/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng quyết định:*

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

Xử:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B phải trả cho Công ty TNHH P số tiền 276.157.424 đồng (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó: số tiền gốc là 224.081.000 đồng; lãi là 52.076.424 đồng tính đến ngày 25/9/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên.

\* Ngày 13 tháng 11 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B ghi ngày 06/11/2025, theo đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tất cả các đương sự trong vụ án, gồm: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH P là ông Lê Quang T, bà Đào Thị H và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lâm Thanh B đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

và đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên toà. Nội dung cụ thể các bên đương sự yêu cầu công nhận như sau:

1. Công ty P tiến hành lắp đặt lại bộ biến tần theo biên bản làm việc ngày 4/8/2023 cho công trình trụ sở cơ quan T của Tập chí C tại Đà Nẵng.

2. Ông B có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty P tiến hành tháo thiết bị hiện hữu (bộ biến tần) để lắp đặt lại.

3. Công ty P hỗ trợ Công ty B tháo bộ biến tần và không chịu trách nhiệm trong trường hợp bộ biến tần hiện hữu bị tháo nếu bị hư hỏng, trầy xước.

4. Công ty P sau khi lắp đặt xong sẽ ký biên bản xác nhận hoàn tất việc lắp đặt lại bộ biến tần mà Công ty P đang giữ (PL2) với Công ty B.

5. Sau khi lắp đặt xong, Công ty B – ông B thực hiện thanh toán ngay 10% giá trị hợp đồng còn nợ cho Công ty P là: 224.081.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng).

6. Thời gian thực hiện:

- Tháo và lắp thiết bị bộ biến tần bắt đầu từ 13 giờ 30 phút ngày 27/02/2026.
- Công ty B thực hiện thanh toán ngay khi lắp đặt xong vào ngày 27/02/2026.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

*Về nội dung vụ án:* Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không bị ép buộc, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội cần được chấp nhận. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH P và Công ty Cổ phần Đầu Tư xây dựng và thương mại tổng hợp B tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Từ 13h30 ngày 27/02/2026, Công ty TNHH P có trách nhiệm tiến hành lắp đặt lại 01 bộ biến tần cho tủ điện của thang máy (PL2) mã hiệu SP800-P ở tại trụ sở Cơ quan T của Tập chí C tại Đà Nẵng. Ngay sau khi Công ty TNHH P lắp đặt xong, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B có trách nhiệm thanh toán ngay số tiền còn nợ 224.081.000 đồng cho Công ty TNHH P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thời hạn, nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại tổng hợp B:* Ngày 26/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đưa vụ án ra xét xử, cùng ngày ban hành Bản án số: 45/2025/KDTM-ST. Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B vắng mặt tại

phiên tòa. Ngày 05/11/2025, bị đơn nhận được bản án sơ thẩm; ngày 13 tháng 11 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 nhận được Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Như vậy, thời hạn và nội dung kháng cáo của bị đơn là đảm bảo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đều có mặt và đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như nêu trên. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí:

- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B phải chịu  $[5\% \times 224.081.000 \text{ đồng}] = 11.204.050 \text{ đồng}$  (Mười một triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, không trăm năm mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Công ty TNHH P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: **45/2025/KDTM-ST** ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

**2.** Từ 13 giờ 30 phút ngày 27/02/2026, Công ty TNHH P có trách nhiệm tiến hành lắp đặt lại bộ biến tăng cho thang máy (PL2) mã hiệu SP800-P của trụ sở Cơ quan T của Tạp chí C tại Đà Nẵng; địa chỉ: Đường X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), đảm bảo hoạt động bình thường.

Ngay sau khi Công ty TNHH P lắp đặt xong, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B có trách nhiệm thanh toán ngay số tiền còn nợ

224.081.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng*) cho Công ty TNHH P.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với khoản tiền nêu trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**3. Về án phí kinh doanh thương mại:** Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại tổng hợp B phải chịu 11.204.050 đồng (*Mười một triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, không trăm năm mươi đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005xxx ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH P không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH P số tiền đã tạm ứng án phí sơ thẩm là 6.260.340 đồng (*Sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bốn mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005xxx ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng), thành phố Đà Nẵng.

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Anh Tuấn**